

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-PT  
Ngày 15 - 8 - 2023  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con và  
chia tài sản chung khi ly hôn.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Anh Tuấn

*Các Thẩm phán:*

Ông Trần Minh Tân

Bà Châu Minh Nguyệt

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Ông Trương Trung Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số 15/2023/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 46/2023/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự;

1. **Nguyên đơn:** Chị **Đinh Thị Yến N**, sinh năm 1996, (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Chỗ ở hiện nay: ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

2. **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1991, (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1973, (có mặt)

3.2. Bà **Phan Thị Kim L1**, sinh năm 1970, (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn chị Đinh Thị Yến N, sinh năm 1996.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/01/2023, lời khai của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình tố tụng thống nhất trình bày:*

Về hôn nhân: Chị N và anh L xây dựng hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 46 ngày 26/4/2017. Trong thời gian chung sống với anh L vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên anh chị thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh chị thống nhất xác định vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Khả H, sinh ngày 18/3/2019, hiện chị N đang trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Khi ly hôn anh L đồng ý giao cháu H cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Anh chị thống nhất xác định tài sản chung gồm: phần đất trồng lúa diện tích đo đạc thực tế 2.323,9m<sup>2</sup>, tọa lạc ấp T, xã C, huyện V; 01 tủ lạnh hiệu Aqua, 01 bộ sa lon bằng gỗ, 01 bàn ăn bằng gỗ, 01 máy lọc nước hiệu Makano. Khi ly hôn anh L đồng ý chia số tài sản này theo quy định pháp luật.

Ngoài ra chị N xác định tài sản chung còn có 01 lượng vàng 24K, giá trị căn nhà cấp 4 vợ chồng đang ở và số tiền 1.600.000.000 đồng đang gửi tiết kiệm tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu. Anh L không thừa nhận vợ chồng có các tài sản này, đối với căn nhà do cha mẹ anh xây dựng để cho vợ chồng anh ở cùng với cha mẹ, 01 lượng vàng 24K anh xác định vợ chồng không có số vàng này và số tiền 1.600.000.000 đồng là tiền của cha mẹ anh bán đất nhờ anh đứng tên gửi tiết kiệm dùm cho cha mẹ, sau đó anh đã rút ra trả lại cho cha mẹ trước khi chị N làm đơn khởi kiện xin ly hôn.

Về nợ chung: Anh chị thống nhất xác định trong thời gian sống chung, vợ chồng không có nợ ai và cũng không có ai thiếu nợ vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C và bà Phan Thị Kim L1 thống nhất trình bày:* Căn nhà cấp 4 mà chị N yêu cầu chia giá trị với anh L là của ông C, bà L bỏ tiền ra mua vật tư, thuê ông Lý D Tiền xây dựng vào tháng 11 năm 2021 âm lịch để cho vợ chồng anh L, chị N ở khi ra sống riêng, chi phí xây dựng khoảng 350.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng, nhà được xây dựng trên phần đất của cha ruột ông C là cụ Nguyễn Văn N đứng tên quyền sử dụng đất. Nay chị N yêu cầu Tòa án chia đôi giá trị căn nhà trên với anh L thì ông C, bà L1 không đồng ý, vì căn nhà trên là của ông C, bà L1 bỏ tiền ra xây dựng, chỉ cho L và N ở, không có tặng, cho vợ chồng anh L, chị N, khi nào không ở nữa thì trả lại cho ông C, bà L1. Đối với số tiền 1.600.000.000 đồng là của ông C, bà L1 chuyển nhượng 08 công tâm cây

đất trồng lúa cho bà Huỳnh Thị H và ông Lê Thanh H1 theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 28/7/2022 với số 1.680.000.000 đồng. Do ông C, bà L1 thường xuyên đi Hàn Quốc để du lịch và thăm con gái nên ông C, bà L1 nhờ anh L đứng tên gửi tiết kiệm tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện V vào ngày 29/7/2022, hiện số tiền trên anh L đã rút ra trả lại cho ông C, bà L1 nên ông C, bà L1 không đồng ý với việc chị N yêu cầu chia đôi số tiền trên.

Từ nội dung trên, tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 46/2023/HN&GD ngày 31/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện V đã quyết định:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị Đinh Thị Yến N và anh Nguyễn Văn L. Cho chị Đinh Thị Yến N ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung:

- Giao cháu Nguyễn Khả H, sinh ngày 18/3/2019 cho chị Đinh Thị Yến N tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng: Chấp nhận một phần yêu cầu cấp dưỡng của chị Đinh Thị Yến N, buộc anh Nguyễn Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Khả H, sinh ngày 18/3/2019 mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 31/5/2023).

3. Về tài sản chung:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Yến N đối với anh Nguyễn Văn L về việc chia tài sản chung vợ chồng. Chia cho chị N  $\frac{1}{2}$  giá trị 01 tủ lạnh hiệu Aqua, 01 bộ sa lon bằng gỗ, 01 bàn ăn bằng gỗ, 01 máy lọc nước hiệu Makano bằng số tiền 11.650.000 đồng và  $\frac{1}{2}$  giá trị phần đất diện tích đo đạc thực tế là 2.323,9m<sup>2</sup> tại thửa 1457, tờ bản đồ số 6 (tương ứng với thửa 243 và một phần thửa 242, tờ bản đồ số 12 cũ), tọa lạc ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu bằng số tiền 58.276.813 đồng. Buộc anh Nguyễn Văn L giao lại cho chị N tổng số tiền 69.926.813 đồng.

- Chia cho anh Nguyễn Văn L  $\frac{1}{2}$  giá trị phần đất diện tích đo đạc thực tế 2.323,9m<sup>2</sup> và  $\frac{1}{2}$  giá trị 01 tủ lạnh hiệu Aqua, 01 bộ sa lon bằng gỗ, 01 bàn ăn bằng gỗ, 01 máy lọc nước hiệu Makano. Giao cho anh Nguyễn Văn L tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất diện tích 2.323,9m<sup>2</sup> tại thửa 1457, tờ bản đồ số 6, tọa lạc ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu và các tài sản gồm 01 tủ lạnh hiệu Aqua, 01 bộ sa lon bằng gỗ, 01 bàn ăn bằng gỗ, 01 máy lọc nước hiệu Makano. Buộc anh Nguyễn Văn L có trách nhiệm giao lại cho chị Đinh Thị Yến N  $\frac{1}{2}$  giá trị các tài sản được chia bằng tổng số tiền 69.926.813 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Yến N về việc yêu cầu chia giá trị căn nhà cấp 4, số tiền 1.600.000.000 đồng và 01 lượng vàng 24K.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản, lãi suất trong giai đoạn thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 13/6/2023 chị N kháng cáo một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét chia giá trị căn nhà cấp 4 và số tiền 1.600.000.000đ (Một tỷ, sáu trăm triệu đồng) mà anh L gửi Ngân hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị N cung cấp thêm 01 USB chứa đựng nội dung ghi âm cuộc nói chuyện giữa chị N và anh L về số tiền 1.600.000.000 đồng, kèm theo bản ghi nội dung cuộc nói chuyện, để chứng minh số tiền 1.600.000.000 đồng là tài sản chung vợ chồng. Đối với giá trị căn nhà cấp 4 chị N xác định chị không đưa tiền vào để xây dựng nhà, chị làm dâu hơn 10 năm nên có công sức đóng góp trong việc xây dựng nhà với cha mẹ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Thư ký từ khi thụ lý tới thời điểm này thấy rằng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật, việc giao, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát cho các đương sự đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm chị N cung cấp thêm chứng cứ là bản ghi nội dung cuộc nói chuyện giữa chị N và anh L về số tiền gửi Ngân hàng 1.600.000.000 đồng. Tuy nhiên, nội dung đoạn ghi âm chưa chứng minh được số tiền 1.600.000.000 đồng là tài sản chung vợ chồng và số tiền này anh L cũng đã rút ra trước khi chị N nộp đơn xin ly hôn. Đối với kháng cáo yêu cầu chia giá trị căn nhà cấp 4, chị N xác định chị đóng góp bằng công sức, không đưa tiền vào mua vật tư xây dựng nhà, nên cấp sơ thẩm xử không chấp nhận các yêu cầu này của chị là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị N, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 46/2023/HNGĐ-ST ngày 31/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến đề xuất của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về hình thức và đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của chị N nộp trong thời hạn luật định, hình thức và nội dung đơn kháng cáo được thực hiện đúng quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự: Các đương sự, Kiểm sát viên có mặt tại phiên tòa theo quy định tại Điều 294 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án.

[1.3] Về các nội dung không kháng cáo, không bị kháng nghị: Về hôn nhân, con chung và tài sản chung gồm: Phần đất trồng lúa diện tích đo đạc thực tế 2.323,9m<sup>2</sup>, 01 tủ lạnh hiệu Aqua, 01 bộ sa lon bằng gỗ, 01 bàn ăn bằng gỗ, 01 máy lọc nước hiệu Makano và 01 lượng vàng 24K các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị và không liên quan đến kháng cáo, căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2] Về nội dung: Ngoài các tài sản chung đã chia, chị N xác định tài sản chung vợ chồng còn có giá trị căn nhà cấp 4 và số tiền 1.600.000.000 đồng do anh L đứng tên gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện V, nên chị N yêu cầu chia khi ly hôn. Anh L xác định giá trị căn nhà cấp 4 và số tiền 1.600.000.000 đồng anh đứng tên gửi tiết kiệm tại Ngân hàng không phải là tài sản chung của vợ chồng mà là tài sản của cha mẹ anh là ông C, bà L1, nên anh không đồng ý chia theo yêu cầu của chị N.

[2.1] Xét kháng cáo của chị N đối với yêu cầu chia giá trị căn nhà cấp 4 có kết cấu khung sườn bê tông cốt thép, vách tường xây, nền gạch men, mái lợp tol thiếc, chiều ngang khoảng 4,74m x dài khoảng 24,10m, trị giá căn nhà qua định giá bằng số tiền 346.562.491 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình tố tụng, ông C, bà L1 xác định căn nhà do ông bà bỏ tiền ra mua vật tư xây dựng để cho vợ chồng anh L, chị N ở, ông bà không cho vợ chồng chị N, anh L căn nhà này, vì nhà xây dựng trên phần đất của cha ông C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại phiên tòa phúc thẩm chị N xác định chị không bỏ tiền ra để cùng xây dựng nhà mà chị xác định do chị làm dâu hơn 10 năm nên có công sức đóng góp trong việc xây dựng nhà. Trong quá trình tố tụng từ cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, chị N không đưa ra được chứng cứ chứng minh ông C, bà L1 cho vợ chồng chị căn nhà, không chứng minh được thời điểm xây dựng nhà anh chị có nguồn tiền nào khác ngoài khoản tiền anh chị làm công nhân tại công ty may Hàn Quốc thu nhập mỗi tháng khoảng từ 4.000.000 đồng – 5.000.000 đồng/tháng, anh chị không có khoảng tiền tích góp nào khác và chị N cũng không chứng minh được công sức đóng góp trong thời gian làm dâu bằng bao nhiêu tiền để đưa vào xây dựng nhà. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu chia giá trị căn nhà cấp 4 theo yêu cầu của chị N là có căn cứ, cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo này của chị N.

[2.2.] Xét kháng cáo của chị N yêu cầu chia số tiền gửi tiết kiệm 1.600.000.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện V. Hội đồng xét xử xét thấy, theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/7/2022, Hợp đồng đặt cọc ngày 09/7/2022, Biên nhận ngày 09/7/2022 thể hiện có việc ông C, bà L1 chuyển nhượng 08 công tằm cấy đất trồng lúa của ông C, bà L cho bà Huỳnh Thị H và ông Lê Thanh H1 được số tiền 1.680.000.000 đồng, theo chứng từ giao dịch với Ngân hàng thể hiện ngày 29/7/2022 anh L mở tài khoản tiết kiệm số tiền 1.600.000.000 đồng phù hợp với số tiền của ông C, bà L1 chuyển nhượng đất, trong quá trình tố tụng chị N không đưa ra được chứng cứ chứng minh ông

C, bà L1 cho anh L số tiền này, trong khi ông C, bà L1 xác định chỉ nhờ anh L đứng tên mở sổ tiết kiệm dùm cho ông bà. Tại phiên tòa phúc thẩm chị N cung cấp thêm đoạn ghi âm được ghi ra bằng văn bản do chị N tự ghi. Xét chứng cứ là đoạn ghi âm Hội đồng xét xử xét thấy, đoạn ghi âm do chị N thu thập không được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, không có nguồn gốc, xuất xứ và không được giám định để khẳng định đoạn ghi âm có bị cắt ghép không, nên không được xem là chứng cứ. Tuy nhiên, qua xem xét nội dung đoạn ghi âm thấy rằng, lời đối thoại trong đoạn ghi âm cũng không khẳng định số tiền 1.600.000.000 đồng anh L được ông C bà L1 cho và lời của người nam trong đoạn ghi âm cũng không thừa nhận số tiền này được cho và là tài chung với chị N. Hơn nữa, số tiền này không còn tồn tại trong tài khoản tại Ngân hàng trước khi chị N nộp đơn khởi kiện xin ly hôn. Do đó, không có căn cứ xác định số tiền 1.600.000.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng anh L, chị N, cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu chia số tiền này của chị N là có căn cứ, phù hợp pháp luật, nên cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo này của chị N.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị N, giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 46/2023/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, chị Đinh Thị Yến N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

[5] Các phần khác của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 46/2023/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị Đinh Thị Yến N, giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 46/2023/HNGĐ-ST ngày 31/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 9, 33, 34, 37, 38, 55, 57, 58, 59, 60, 62, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình; các điểm a, b khoản 1 Điều 24; điểm a, b khoản 5, điểm a, c khoản 6, điểm a khoản 7 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị Đinh Thị Yến N và anh Nguyễn Văn L.

Xử cho chị Đinh Thị Yến N, sinh năm 1996 được ly hôn với anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1991.

2. Về con chung:

2.1. Giao cháu Nguyễn Khả H, sinh ngày 18/3/2019 cho chị Đinh Thị Yến N tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi.

2.2. Anh Nguyễn Văn L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Khả H, sinh ngày 18/3/2019 mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi cháu Nguyễn Khả H tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 31/5/2023.

3. Về tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Yến N đối với anh Nguyễn Văn L.

3.1. Chia cho chị Đinh Thị Yến N  $\frac{1}{2}$  giá trị các tài sản chung gồm: 01 tủ lạnh hiệu Aqua, 01 bộ sa lon bằng gỗ, 01 bàn ăn bằng gỗ, 01 máy lọc nước hiệu Makano bằng số tiền 11.650.000 đồng (Mười một triệu, sáu trăm năm mươi ngàn đồng) và  $\frac{1}{2}$  giá trị phần đất trồng lúa đo đạc thực tế diện tích 2.323,9m<sup>2</sup> tại thửa 1457, tờ bản đồ số 6 bằng số tiền 58.276.813 đồng (Năm mươi tám triệu, hai trăm bảy mươi sáu ngàn, tám trăm mười ba đồng).

3.2. Chia cho anh Nguyễn Văn L  $\frac{1}{2}$  giá trị phần đất diện tích đo đạc thực tế 2.323,9m<sup>2</sup> và  $\frac{1}{2}$  giá trị 01 tủ lạnh hiệu Aqua, 01 bộ sa lon bằng gỗ, 01 bàn ăn bằng gỗ, 01 máy lọc nước hiệu Makano. Giao cho anh Nguyễn Văn L tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất diện tích 2.323,9m<sup>2</sup> tại thửa 1457, tờ bản đồ số 6, tọa lạc ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu và được sở hữu các tài sản gồm 01 tủ lạnh hiệu Aqua, 01 bộ sa lon bằng gỗ, 01 bàn ăn bằng gỗ, 01 máy lọc nước hiệu Makano. Phần đất có vị trí, số đo các cạnh như sau:

Cạnh hướng Đông giáp đất ông Phan Văn L có số đo 5.89m + 15.89m + 14.49m.

Cạnh hướng Tây giáp kênh nội đồng có số đo 14.50m + 14.36m

Cạnh hướng Nam giáp đất ông Trần Văn T và ông Lê Văn N có số đo 19.83m + 28.06m + 2.13m + 18.16m.

Cạnh hướng Bắc giáp kênh Ba K có số đo 1.99m + 24.81m + 22.37m + 7.33m + 12.77m.

Bản vẽ mặt bằng hiện trạng sử dụng đất lập ngày 20/3/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu được kèm theo Bản án là bộ phận không thể tách rời của bản án.

3.3. Anh Nguyễn Văn L có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký biến động, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất được chia theo quy định pháp luật.

3.4 Buộc anh Nguyễn Văn L có trách nhiệm giao lại cho chị Đinh Thị Yến N  $\frac{1}{2}$  giá trị các tài sản được chia bằng tổng số tiền 69.926.813 đồng (Sáu mươi chín triệu, chín trăm hai mươi sáu ngàn, tám trăm mười ba đồng).

3.5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Yến N về việc yêu cầu chia giá trị căn nhà cấp 4 có kết cấu khung sườn bê tông cốt thép, vách tường xây, nền gạch men, mái lợp tol thiếc, chiều ngang 4,74m x dài 24,10m, trị giá căn nhà qua định giá bằng số tiền 346.562.491 đồng, số tiền 1.600.000.000 đồng và 01 lượng vàng 24K.

4. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm và chi phí tố tụng:

5.1. Về án phí hôn nhân và gia đình, dân sự sơ thẩm:

- Buộc chị Đinh Thị Yến N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 3.496.340 đồng (Ba triệu, bốn trăm chín mươi sáu ngàn, ba trăm bốn mươi đồng) án phí chia tài sản và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đối với phần tài sản yêu cầu chia không được chấp nhận, chị Đinh Thị Yến N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 24.982.500 đồng, theo Biên lai thu số 0001408 ngày 31/01/2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được đối trừ, hoàn trả lại cho chị Đinh Thị Yến N số tiền 20.886.160 đồng (Hai mươi triệu, tám trăm tám mươi sáu ngàn, một trăm sáu mươi đồng), tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- Buộc anh Nguyễn Văn L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con và 3.496.340 đồng (Ba triệu, bốn trăm chín mươi sáu ngàn, ba trăm bốn mươi đồng) án phí chia tài sản, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

5.2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 8.063.058 đồng.

- Chị Đinh Thị Yến N và anh Nguyễn Văn L mỗi người phải chịu 4.031.259 đồng, chị Đinh Thị Yến N đã nộp tạm ứng số tiền 8.063.058 đồng đã chi hết.

- Buộc anh Nguyễn Văn L có nghĩa vụ trả lại cho chị Đinh Thị Yến N số tiền 4.031.259 đồng (Bốn triệu, không trăm ba mươi một ngàn, hai trăm năm mươi chín đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

5.3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc chị Đinh Thị Yến N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), chị Đinh Thị Yến N đã nộp tạm ứng án phí số tiền

300.000 đồng, theo Biên lai thu số 0013646 ngày 14/6/2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- UBND thị trấn C;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Bùi Anh Tuấn**